TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ GIA NGHĨA** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/DS-ST
Ngày: 14 - 01 - 2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Ất.

2. Bà Đỗ Thị Mau.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Quốc Chương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông *tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Thanh Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 105/2019/TLST – DS ngày 08 tháng 4 năm 2019 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2019/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2019/QĐST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị B - Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường N, thị xã G (nay là thành phố G), tỉnh Đắk Nông.

2. Bị đơn: Ông Đặng Văn L và bà Trần Thị N - Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường N, thị xã G (nay là thành phố G), tỉnh Đắk Nông.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nông Ích K - Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường N, thị xã G (nay là thành phố G), tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/4/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bùi Thị B trình bày:

Ngày 12/5/2018 ông Đặng Văn L và bà Trần Thị N vay bà Bùi Thị B và ông Nông Ích K số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 3.500.000 đồng/1tháng. Việc vay mượn có viết giấy tay đề ngày 12/5/2018, thỏa thuận (bằng miệng) thời hạn trả vào mùa cà phê năm 2018. Tuy nhiên, cuối năm 2018 ông L, bà N thu hoạch cà phê nhưng không trả tiền cho vợ chồng bà mà bán rẫy cho người khác, vợ chồng bà đã tìm gặp để đòi nợ nhưng ông L, bà N hứa hẹn, chây lỳ rồi cố tình tránh mặt. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu ông L, bà N phải trả 200.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Đặng Văn L và bà Trần Thị N đã được Tòa án thông báo về việc khởi kiện. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng ông L, bà N không có mặt để làm việc nên không có lời khai lưu tại hồ sơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nông Ích K trình bày: Ông K đồng ý với ý kiến trình bày của bà B.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Bùi Thị B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nông Ích K có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Đặng Văn L và bà Trần Thị N vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không có mặt tại Tòa án để tham gia các buổi làm việc, phiên hòa giải, phiên họp và phiên tòa theo giấy triệu tập, thông báo, quyết định của Tòa án là vi phạm quy định tại khoản 15, khoản 16 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 và khoản 2 Điều 469 của Bộ luật Dân sự, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị B, buộc ông Đặng Văn L và bà Trần Thị N phải trả cho bà Bùi Thị B và ông Nông Ích K số tiền 200.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Bùi Thị B khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Đặng Văn L, bà Trần Thị N trả số tiền vay và lãi suất theo pháp luật. Bị đơn trú tại phường N, thị xã G (nay là thành phố G), tỉnh Đắk Nông. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả 200.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về việc khởi kiện nhưng bị đơn vắng mặt, không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án hoặc văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện cũng như các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Tại Quyết định trưng cầu giám định số 05/2019/QĐ-TCGĐ ngày 16/9/2019 Tòa án yêu cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông thực hiện giám định chữ ký dưới mục "Vợ", "Chồng" trong giấy vay tiền đề ngày 12 tháng 5 năm 2018 so với chữ ký, chữ viết mang tên Đặng Văn L và Trần Thị N trong các tài liệu gồm: Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu ngày 09/10/2014 có chữ ký, chữ viết mang tên Đặng Văn L dưới mục "Người viết phiếu báo"; Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu ngày 09/10/2014 có chữ ký, chữ viết mang tên Trần Thị N dưới mục "Người viết phiếu báo"; Hợp đồng tín dụng ngày 19/10/2016 có chữ ký, chữ viết mang tên Đặng Văn L và Trần Thị N dưới mục "Đại diện bên B"; Giấy đề nghị ngày 19/10/2016 có chữ ký, chữ viết mang tên Đặng Văn L dưới mục "Người đề nghị"; Giấy thỏa thuận về việc xử lý tài sản thế chấp, cầm cố, bảo lãnh ngày 19/10/2016 có chữ ký, chữ viết mang tên Đặng Văn L và Trần Thị N dưới mục "Bên B" có phải do cùng một người ký, viết ra hay không?

Tại kết luận giám định số 170/GĐTL-PC09 ngày 18/10/2019 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận: Chữ ký mang tên Trần Thị N dưới mục "Vợ" trên tài liệu cần giám định (giấy vay tiền đề ngày 12 tháng 5 năm 2018: Ký hiệu A) so với chữ ký mang tên Trần Thị N trên tài liệu mẫu so sánh (Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu ngày 09/10/2014 có chữ ký, chữ viết mang tên Trần Thị N dưới mục "Người viết phiếu báo": Ký hiệu M1, Hợp đồng tín dụng ngày 19/10/2016 có chữ ký, chữ viết mang tên Đặng Văn L và Trần Thị N dưới mục "Đại diện bên B": Ký hiệu M3, Giấy thỏa thuận về việc xử lý tài sản thế chấp, cầm cố, bảo lãnh ngày 19/10/2016 có chữ ký, chữ viết mang tên Đặng Văn L và Trần Thị N dưới mục "Bên B": Ký hiệu M5) là do cùng một người ký ra. Chữ ký mang tên Đặng Văn L dưới mục "Chồng" trên tài liệu cần giám định (giấy vay tiền đề ngày 12 tháng 5 năm 2018: Ký hiệu A) so với chữ ký mang tên Đặng Văn L trên tài liệu mẫu so sánh (Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu ngày 09/10/2014 có chữ ký, chữ viết mang tên Đặng Văn L dưới mục "Người viết phiếu báo": Ký hiệu M2, Hợp đồng tín dụng ngày 19/10/2016 có chữ ký, chữ viết mang tên Đặng Văn L và Trần Thị N dưới mục "Đại diện bên B": Ký hiệu M3, Giấy đề nghị ngày 19/10/2016 có chữ ký, chữ viết mang tên Đặng Văn L dưới mục "Người đề nghị": Ký hiệu M4, Giấy thỏa thuận về việc xử lý tài sản thế chấp, cầm cố, bảo

lãnh ngày 19/10/2016 có chữ ký, chữ viết mang tên Đặng Văn L và Trần Thị N dưới mục "Bên B": Ký hiệu M5) là do cùng một người ký ra.

[2.2] Xét nội dung tại giấy vay tiền xác lập ngày 12/5/2018 giữa bà Bùi Thị B và ông Nông Ích K với ông Đặng Văn L và bà Trần Thị N là phù hợp quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng hợp pháp. Bà B và ông K đã có Thông báo về việc đề nghị thanh toán tiền vay ngày 20/02/2019, yêu cầu ông L, bà N trả nợ trước ngày 30/3/2019 nhưng ông L, bà N cố tình né tránh, không thường xuyên có mặt tại nơi cư trú là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Đối chiếu với quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận, cần buộc bị đơn ông Đặng Văn L và bà Trần Thị N phải cho bà Bùi Thị B và ông Nông Ích K số tiền gốc là 200.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Về tiền lãi: Tại thời điểm vay nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận lãi suất vay 3.500.000 đồng/01 tháng tương đương 21%/01 năm là vượt quá mức lãi suất cho phép quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, nay nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật là không vượt quá 20%/01 năm. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 2, khoản 2 Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm để xác định số tiền lãi mà ông L, bà N phải trả cho bà B, ông K như sau:

Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả từ ngày 12/5/2018 đến ngày 29/3/2019 = [200.000.000 đồng x (20%:12 tháng) x 10 tháng + 200.000.000 đồng x (20%:365 ngày) x 17 ngày] = 35.196.000 đồng.

Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả từ ngày 30/3/2019 đến ngày 14/01/2020 = [35.196.000 đồng x (10%:12 tháng) x 9 tháng + 35.196.000 đồng x (10%:365 ngày) x 15 ngày] = 2.784.000 đồng.

Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả từ ngày 30/3/2019 đến ngày 14/01/2020 = [200.000.000 đồng x (30%:12 tháng) x 9 tháng + 200.000.000 đồng x (30%:365 ngày) x 15 ngày] = 47.466.000 đồng.

Tổng số tiền lãi mà ông L, bà N phải trả cho bà B, ông K là 85.466.000đ (tám mươi lăm triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, cần chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị B được chấp nhận nên ông Đặng Văn L và bà Trần Thị N phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án. Bà Bùi Thị B được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về chi phí tố tụng: Chi phí giám định là 4.000.000 đồng, số tiền này

nguyên đơn đã nộp. Kết quả giám định chứng minh yêu cầu giám định của nguyên đơn là có căn cứ nên bị đơn phải chịu chi phí giám định theo quy định tại Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Buộc ông Đặng Văn L và bà Trần Thị N phải hoàn trả cho bà Bùi Thị B số tiền 4.000.000 đồng.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 161, Điều 162 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 2, khoản 2 Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị B.

Buộc ông Đặng Văn L và bà Trần Thị N phải trả cho bà Bùi Thị B và ông Nông Ích K tổng số tiền là 285.466.000đ *(hai trăm tám mươi lăm triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn đồng)*. Trong đó, tiền gốc là 200.000.000đ *(hai trăm triệu đồng)* và tiền lãi là 85.466.000đ *(tám mươi lăm triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc ông Đặng Văn L và bà Trần Thị N phải chịu 14.273.000đ (mười bốn triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Bùi Thị B 5.913.000đ *(năm triệu chín trăm mười ba nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001051 ngày 05/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G (nay là thành phố G), tỉnh Đắk Nông.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Đặng Văn L và bà Trần Thị N phải hoàn trả cho bà Bùi Thị B 4.000.000đ *(bốn triệu đồng)* tiền chi phí giám định.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 của Luật Thi hành

án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thành phố Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS thành phố G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Đỗ Thị Thắm